TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 176/2022/DS-PT
Ngày 12/5/2022
"V/v tranh chấp dân sự về thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06, 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021, về việc "*Tranh chấp dân sự về thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 322/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1 Đinh Thị B, sinh năm 1950;

1.2. Đinh Thị D (V), sinh năm 1963;

1.3. Đinh Thị U, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Ấp, xã Tân K, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Đinh Thị E, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp, xã Tân K, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Đinh Thị L, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Khóm, TT Mỹ A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

1.6. Đinh Hồng Th, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số, khóm, phường, TP Bạc L, tỉnh Bạc Liêu

1.7. Đinh Thị H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Khóm, TT Mỹ A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Đinh Văn H1, sinh năm 1954;

2.2. Đinh Thị T, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: Ấp, xã Tân K, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

2.3. Đinh Văn Tr, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Khóm, TT Mỹ A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông H1 và ông Tr: Ông Trần Minh Ph, sinh năm 1957. Địa chỉ: Đường Gò T, khóm, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 10/01/2022 và ngày 26/01/2022.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Tập đoàn Công nghiệp- Viễn thông Quân đội (Viettel) chi nhánh tỉnh Đồng Tháp;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H2, Giám đốc Chi nhánh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Số Lê Quí Đ, phường, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Hoàng A, sinh năm 1982; Theo Giấy ủy quyền số 2611/2020/CCTM, ngày 26/11/2020 (bút lục số 141);

Địa chỉ: Khóm Mỹ T, thị trấn Mỹ T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện Tháp M;

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Qu, Chức vụ: Chủ tịch;

Địa chỉ: Khóm, TT Mỹ A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp

3.3. Trần Thị Đ, sinh năm 1969;

3.3. Lê Văn Kh, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Ấp, xã Tân K, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Kh và bà Đ: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp, xã Đốc Binh K, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 26/10/2021.

3.4. Đinh Văn L1, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp, xã Tân K, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Ngô Văn L2, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp, xã Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long An.

* ***Người kháng cáo***: Ông Đinh Văn Tr và Đinh Văn H1 là bị đơn.

Bà D, bà U (Chị), bà L, bà H, ông Ph, anh M có mặt tại phiên tòa. Bà B, bà T, bà Th , ông L1, ông L2, anh Hoàng A, Ủy ban nhân dân huyện Tháp M có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa. Riêng bà D vắng mặt phiên tòa ngày 12/5/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Các nguyên đơn: Bà Đinh Thị B, Đinh Thị D, Đinh Thị U, Đinh Thị E, Đinh Thị L, Đinh Hồng Th, Đinh Thị H trình bày:***

Cha, mẹ của các nguyên đơn, bị đơn là cụ Đinh Văn H2, sinh năm 1928 (cụ H2 chết năm 2008) và cụ Lê Thị C, sinh năm 1929 (chết năm 2015); cùng ngụ tại ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; được ông bà nội là cụ Đinh Văn Th1 và cụ Nguyễn Thị Ng cho diện tích đất là 120 công tầm 3m vào năm 1949. Năm 1992, hộ của cha, mẹ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do cụ Đinh Văn H2 đứng tên quyền sử dụng đất ngày 29/12/1992), đo đạc thực tế 130.101m^2; gồm các thửa (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), như sau: (1)Thửa 343 diện tích 4.118m^2, loại đất thổ; (2)Thửa 342 diện tích 28.593, loại đất RT/G; (3)Thửa 326 diện tích 6.891m^2, loại đất 2L; (4)Thửa 902 diện tích 4.400m^2, loại đất TL; (5)Thửa 327 diện tích 49.922m^2, loại đất 2L; (6)Thửa 863 diện tích 3.050, loại đất TL; (7)Thửa 328 diện tích 7.700m^2, loại đất 2L. Tất cả các thửa đất trên, cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Cụ H2 và cụ C sinh được 11 người con gồm: Đinh Thị B (còn sống), Đinh Thị L (L, còn sống), Đinh Văn H1 (còn sống), Đinh Hồng Th, (còn sống), Đinh Thị T (còn sống), Đinh Thị D (V, còn sống), Đinh Văn Tr (còn sống), Đinh Thị H (P, còn sống), Đinh Thị U (U chị, còn sống), Đinh Thị E (U Em, còn sống); riêng Đinh Văn T0 (đã chết, là liệt sỹ, không vợ con).

Năm 2008 cụ Đinh Văn H2 chết, cụ H2 có để lại di chúc, nhưng phần nguyên đơn không thừa nhận vì di chúc của cụ H2 làm không hợp pháp, vì phần đất mà cụ H2 làm di chúc là tài sản chung của vợ chồng cụ H2 và cụ C, nên di chúc không có giá trị pháp lý.

Ngày 18/9/2009, cụ C có ký hợp đồng với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) chi nhánh tỉnh Đồng Tháp, cho đặt Trạm viễn thông quân sự và các thiết bị viễn thông trên đất của cụ C với giá là 18.000.000 đồng/năm, thời gian là 10 năm, đến năm 2019 là hết hạn, nhưng cụ C chỉ nhận được tiền cho thuê năm 2012 là 18.000.000đ (do bà Đinh Thị L nhận). Còn lại 09 năm, thì ông Đinh Văn Tr nhận 7 năm với số tiền là 126.000.000 đồng, còn

lại năm 2018 và năm 2019 thì bên chi nhánh Viettel trả tiền Đinh Văn Tr nhận là 36.000.000đ.

Nhiều lần các nguyên đơn có yêu cầu ông H1 và ông Tr chia lại cho mỗi người, thêm một ít đất của cụ H2 để lại, tạo điều kiện cho các nguyên đơn có thu thập khá hơn để ổn định cuộc sống nhưng ông H1, ông Tr và bà T không đồng ý mà yêu cầu thực hiện theo di chúc của cụ H2.

Nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án, giải quyết chia thừa kế theo pháp luật của cụ H2 và cụ C như sau:

Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 104.674m^2 đất gồm các thửa: Thửa 343, diện tích 4.118m^2, loại đất thổ; Thửa 342, diện tích 28.593, loại đất RT/G; Thửa 326, diện tích 6.891m^2, loại đất 2L; Thửa 902, diện tích 4.400m^2, loại đất TL; Thửa 327, diện tích 49.922m^2, loại đất 2L; Thửa 863, diện tích 3.050, loại đất TL; Thửa 328, diện tích 7.700m^2, loại đất 2L. Tất cả các thửa đất trên, cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; Do cụ Đinh Văn H2 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 10 người con gồm: Đinh Thị B, Đinh Thị L (L), Đinh Văn H1, Đinh Hồng Th, Đinh Thị T, Đinh Thị D (V), Đinh Văn Tr, Đinh Thị H, Đinh Thị U (U chị) và Đinh Thị E (U em) mỗi người được hưởng diện tích 10.467,4m^2.

Và yêu cầu ông Đinh Văn Tr phải chia số tiền 162.000.000đ mà ông Tr đã nhận của Công ty Viettel để chia cho 10 anh chị em, mỗi người được nhận là 16.200.000đ.

Ngoài ra, các nguyên đơn gồm: Đinh Thị B, Đinh Thị L (L), Đinh Hồng Th, Đinh Thị T, Đinh Thị Dn (V), Đinh Thị H, Đinh Thị U (U chị), Đinh Thị E (U Em) mỗi người yêu cầu được chia phần đất ở tại các thửa 342, 343, 902; mỗi người được nhận diện tích 2.228,6m^2.

Phần đất còn lại, hiện trên phần đất có khu mộ và nhà thờ thì các nguyên đơn đồng ý cùng với bị đơn đứng tên đồng sở hữu chung phần đất trên.

* ***Bị đơn bà Đinh Thị T trình bày***:

Việc chị em của bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, bà T không có ý kiến; Bà không yêu cầu về việc chia số tiền mà công ty Viettel thuê. Bà yêu cầu được nhận đất của cha, mẹ mà hiện nay bà đang canh tác gồm 3 công đất vườn và 10 công đất ruộng tại chướng 200 theo di chúc. Bà yêu cầu chia theo di chúc của cụ H2 chết để lại.

**** Bị đơn ông Đinh Văn Tr trình bày***:

Không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn, ông không đồng ý chia phần đất của cụ H2 chết để lại theo pháp luật mà yêu cầu Tòa án giải quyết chia phần đất theo di chúc của cụ H2 chết để lại và yêu cầu công nhận di chúc ngày 20/02/2006 có giá trị. Đối với yêu cầu của các nguyên đơn, yêu cầu ông chia phần tiền đã nhận từ công ty Viễn thông quân đội, ông thừa nhận là ông có nhận số tiền từ Công ty viên thông, nhưng ông đã sử dụng số tiền này để xây mộ cụ H2 và cụ C; nên không còn tiền để chia. Ông không đồng ý để các chị em đứng tên đồng sở hữu khu nhà mồ, ông yêu cầu được đứng tên nguyên khu mồ mã để ông thờ cúng ông, bà như theo di chúc của cụ H2.

**** Bị đơn ông Đinh Văn H2 trình bày***:

Không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn, ông không đồng ý chia phần đất của cụ H2 chết để lại theo pháp luật mà yêu cầu Tòa án giải quyết chia phần đất theo di chúc và yêu cầu công nhận di chúc ngày 20/02/2006 có giá trị, ông cũng không có ý kiến và không yêu cầu chia số tiền mà công ty Viettel thuê ông Tr đã nhận tiền. Ông không yêu cầu được đứng tên đồng sở hữu khu mồ mã mà để ông Đinh Văn Tr đứng tên để thờ cúng ông, bà như theo di chúc của cụ H2 chết để lại. Đối với hợp đồng chuyển nhượng với ông Lê Văn Kh, ông H1 thừa nhận chữ ký trong hợp đồng năm 2018, là chữ ký của ông ký ra, ký tại nhà của ông Nguyễn Minh Ch là Trưởng ấp 4, xã Tân Kiều; ông H1 thừa nhận ông đã nhận của ông Kh số tiền là 500 triệu đồng, việc trong hợp đồng chuyển nhượng đề giá chuyển nhượng là 600 triệu đồng thì ông H1 không đồng ý, vì ông không có nhận, ông chỉ cố đất này cho ông Kh, (nhưng ông không có chứng cứ cố đất). Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Kh là tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 10.000m^2 (đất lúa) hiện ông Kh đang canh tác.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Kh, bà Trần Thị Đ, ủy quyền cho anh Nguyễn Văn M trình bày:***

Phần đất của ông H1 là trên 40 công, thì trước năm 2011 ông Kh có thuê theo năm để canh tác, thuê 40 công, sau đó ông Kh trả lại đất cho ông H1 và chỉ thuê 10.000m^2, sau đó ông Kh có cố 10.000m^2 đất của ông H1 (cố làm giấy tờ, nhưng đã thất lạc bản chính) đến năm 2016 là hết hợp đồng cố đất, sau đó ông Kh thuê phần đất này theo năm để canh tác. Đến năm 2018, ông H1 kêu ông Kh bán phần đất 10.000m^2 cho ông Kh, nên ông Kh đồng ý mua với giá là 500.000.000đ, hai bên có làm giấy tay và ông H1 đã nhận đủ số tiền 500.000.000đ; sau đó tờ giấy tay bị mất; nên ông Kh có nhờ người đánh máy theo mẫu đề ngày 29/3/2018, sau đó ông Kh và ông H1 đến nhà ông Nguyễn

Minh Ch (là Trưởng ấp 4, xã Tân Kiều) để nhờ ông Ch xác nhận việc mua bán giữa ông Kh và ông H1, ông Ch có đọc lại nội dung cho ông Kh và ông H1 nghe, ông Kh nói với ông Ch là do giá đất thị trường là 600.000.000đ, nhưng khi mua chỉ là 500.000.000đ; nên giấy để theo giá thị trường, rồi ông Ch hỏi ông H1 có đồng ý không thì ông H1 trả lời đồng ý, nên ông Kh và ông H1 cùng ký tên vào giấy chuyển nhượng tại nhà ông Ch, nên ông Ch xác nhận nội dụng phía sau của Tờ Giấy sang nhượng đất đề ngày 29/3/2018. Sau đó, Tờ sang nhượng đất ngày 29/3/2018 bị thất lạc, nên ông Kh và ông H1 làm lại giấy chuyển nhượng mới (ông Kh nhờ người làm theo mẫu) đề ngày 04/9/2018 rồi ông Kh và ông H1 đến nhà ông Ch, nhờ ông Ch xác nhận lại nội dung chuyển nhượng, ông Kh và ông H1 cùng ký tên trong giấy chuyển nhượng mới đề ngày 04/9/2018 tại nhà ông Ch, còn ông Ch thì xác nhận lại nội dung chuyển nhượng theo giấy sang nhượng ngày 29/3/2018; nội dung thì giống nhau nhưng xác nhận của ông Ch là đề ngày 29/3/2018. Nay, ông Kh yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông H1, để ông Kh được đứng tên quyền sử dụng đất.

**** Tập đoàn Công nghiệp - viễn thông quân đội (Viettel) chi nhánh tỉnh Đồng Tháp trình bày***: Ngày 18/9/2009, Công ty có ký hợp đồng với bà Lê Thị C thuê mặt bằng đặt vị trí trạm viễn thông, với giá là 18 triệu đồng/12 tháng bà C đã nhận tiền từ ngày 01/10/2009 đến 30/9/2013 với số tiền là 72 triệu đồng (chuyển khoản vào tài khoản tên bà C, còn ai đi rút tiền từ tài khoản thì Công ty không biết). Từ 01/10/2013 đến 18/9/2019 ông Tr nhận 107.387.671đ, từ 19/9/2019 đến 18/9/2021 ông Tr nhận 48.800.000đ. Hiện nay, Công ty đã giao tiền đầy đủ. Không có yêu cầu gì trong vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn L1 trình bày*:

Phần đất mà các nguyên đơn tranh chấp chia thừa kế với ông H1, tại phần đất giáp kênh Long An, thì ông L1 có thuê đất của ông H1 10 năm (2019-2029) để trồng mít, giá thuê là 20 triệu đồng/năm, ông L1 đã trả tiền thuê đất của ông H1 được hai năm, khi nào hết hạn thuê thì ông L1 trả lại đất cho ông H1 sử dụng. Đối với phần đất thuê thì ông L1 không có yêu cầu gì trong vụ án này, nếu phần đất này dùng để chia thừa kế thì ông L1 sẽ khởi kiện ông H1 bồi thường thiệt hại ở vụ án khác, khi có yêu cầu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn L2 trình bày*:

Anh L2 và ông H1 có ký hợp đồng thuê đất ruộng để canh tác, với thời hạn thuê là 02 năm, anh L2 bắt đầu canh tác từ vụ Hè Thu năm 2021, với giá thuê là 43.200.000 đồng/02 năm (năm 2021-2022), khi hết hạn thuê thì anh L2 trả lại

đất mà ông H1. Anh L2 không có yêu cầu gì trong vụ án, nếu có tranh chấp và có yêu cầu anh L2 sẽ khởi kiện ông H1 ở vụ án khác về bồi thường thiệt hại, khi có yêu cầu.

* ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười trình bày***:

Không có ý kiến và xin được vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án nhân dân. Ủy ban nhân dân Huyện sẽ thực hiện kết quả giải quyết vụ kiện của Tòa án nhân dân khi có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Tháp Mười đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của bà Đinh Thị B, Đinh Thị L (L), Đinh Hồng Th, Đinh Thị D (V), Đinh Thị H (P), Đinh Thị U (U chị), Đinh Thị E (U Em).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế số tiền 161.387.671 đồng (ông Đinh Văn Tr đang quản lý) của bà Đinh Thị B, Đinh Thị L (L), Đinh Hồng Th, Đinh Thị D (V), Đinh Thị H (P), Đinh Thị U (U chị), Đinh Thị E (U Em).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của ông Đinh Văn H và bà Đinh Thị T.

4. Chấp nhận yêu cầu cùng đứng tên đồng sở hữu chung diện tích đất 2.349,2m^2 (phần đất khu mồ mã và nhà thờ) của bà Đinh Thị B, Đinh Thị L (L), Đinh Hồng Th, Đinh Thị D (V), Đinh Thị H (P), Đinh Thị U (U chị), Đinh Thị E (U Em).

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Kh (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập) về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đinh Văn H1. Phần di sản mỗi người được hưởng thừa kế có diện tích trong phạm vi các mốc:

- Bà Đinh Thị B được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 10.266,2m^2. Trong phạm vi các mốc: M15-M8-M7-M16-M15 (thuộc một phần thửa 343 và một phần thửa 342). Mốc R5-R4-R3-R6-R5 (thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Bà Đinh Thị B được nhận số tiền 16.138.000 đồng (Mười sáu triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Bà Đinh Thị T được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 11.912,5m^2. Trong phạm vi các mốc: M14-M9-M8-M15-M14 (thuộc một phần thửa 343 và một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc R1-MA-MC-R2-R1 (thuộc một phần

thửa 326, một phần thửa 902). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đinh Văn H1 được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 11.739,1m^2. Trong phạm vi các mốc: Mốc S1-S2-S3-S4-S1 (thuộc một phần thửa 328). Phạm vi các mốc: Mốc ML-M5-S5-S6-ML. (thuộc một phần thửa 327, một phần thửa 863). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Đinh Thị L (L) được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 10.260,9m^2. Trong phạm vi các mốc: Mốc M16-M7-M6-M17-M16 (thuộc một phần thửa 343 và một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc MI-R12-R11-MG-MI (thuộc một phần thửa 342 và một phần thửa 902). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đinh Thị L được nhận số tiền 16.138.000 đồng (Mười sáu triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Bà Đinh Thị D (V) được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 10.265,8m^2. Trong phạm vi các mốc: M18-M5-M3-M19-M18 (thuộc một phần thửa 343 và một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc MI-M3-F5-F6-F3-F4-MI (thuộc một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc R11-R10-R9-R12-R11 (thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đinh Thị D (V) được nhận số tiền 16.138.000 đồng (Mười sáu triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Bà Đinh Thị U (U chị) được hưởng di sản thừa kế diện tích 10.266,1m^2; trong phạm vi các mốc: Mốc F1-M22-MB-MA-MH-F1(thuộc một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc R4-R1-R2-R3-R4 (thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đinh Thị U (U chị) được nhận số tiền 16.138.000 đồng (Mười sáu triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Bà Đinh Thị E (U Em) được hưởng di sản thừa kế diện tích 10.266,4m^2. Trong phạm vi các mốc: Mốc M13-M10-M9-M14-M13 (thuộc một phần thửa 343 và một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc F8-F1-F2-F3-F6-F7-F8 (thuộc một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc R9-R8-R7-R10-R9 (thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đinh Thị E (U Em) được nhận số tiền 16.138.000 đồng (Mười sáu triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Bà Đinh Thị H (P) được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 6.774m^2. Trong phạm vi các mốc: Mốc M12-ME-M10-M13-M12 (thuộc một phần thửa 902). Phạm vi các mốc: Mốc MB-F10-F1-F8-F9-MB (thuộc một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc MA-M14-S4-S1-MA (thuộc một phần thửa 328). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đinh Thị H (P) được nhận số tiền 16.138.000 đồng (Mười sáu triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Bà Đinh Hồng Th được hưởng di sản thừa kế diện tích 6.773,8m^2; trong phạm vi các mốc: Mốc M17-M6-M5-M18-M17 (thuộc một phần thửa 343 và một phần thửa 342); Phạm vi các mốc: Mốc S2-S3-M4-MD-S2 (thuộc một phần thửa 328, một phần thửa 863). Phạm vi các mốc: Mốc R5-R8-R7-R6-R5 (thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đinh Hồng Th được nhận số tiền 16.138.000 đồng (Mười sáu triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Tạm giao diện tích đất 29.220,2m^2 (phần còn lại cụ H2 đứng tên sau khi chia thừa kế) cho ông Đinh Văn Tr quản lý, sử dụng trong phạm vi các mốc: Mốc MN-MP-M7-M6-S5-S6-S7-S8-M10-M9-MN (thuộc một phần thửa 327, một phần thửa 863); đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đinh Thị B, Đinh Thị L (L), Đinh Hồng Th, Đinh Thị D (V), Đinh Thị H (P), Đinh Thị U (U chị), Đinh Thị E (U Em) Đinh Văn H1, Đinh Thị T, Đinh Văn Tr; cùng đồng sỡ hữu chung đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất khu mồ mã và nhà thờ có diện tích 2.349m^2, thuộc một phần thửa 343, trong phạm vi các mốc: M19-MI-MH-M20-M19; đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đinh Thị B, Đinh Thị L (L), Đinh Hồng Th, Đinh Thị T, Đinh Thị D (V), Đinh Thị H (P), Đinh Thị U (U chị), Đinh Thị E (U Em), Đinh Văn H1, Đinh Văn Tr có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký để được đứng tên đồng sở hữu chung trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất khu mồ mã và nhà thờ có diện tích 2.349m^2, thuộc một phần thửa 343, trong phạm vi các mốc: M19-MI-MH-M20-M19; đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đinh Thị B, Đinh Thị L (L), Đinh Hồng Th, Đinh Thị T, Đinh Thị D (V), Đinh Thị H (P), Đinh Thị U (U chị), Đinh Thị E (U Em), Đinh Văn H, Đinh Thị T; có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai,

đăng ký để được đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mà bà Đinh Thị B, Đinh Thị L (L), Đinh Hồng Th, Đinh Thị T, Đinh Thị D (V), Đinh Thị H (P), Đinh Thị U (U chị), Đinh Thị E (U Em), Đinh Văn H, Đinh Thị T; được chia thừa kế quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc ông Đinh Văn H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Lê Văn Kh diện tích 10.000m^2 (10.000,2m^2), thuộc một phần thửa 327. Trong phạm vi các mốc: M13-M12-S8- S7-S6-ML-M13. Đất tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Văn Kh có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký để được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 10.000m^2 (10.000,2m^2), thuộc một phần thửa 327. Trong phạm vi các mốc: M13-M12-S8-S7-S6-ML-M13. Đất tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, ngày 24/12/2020 của Tòa án, Sơ đồ đo đạc ngày 08/01/2021 và Phụ lục mãnh trích đo ngày 19/3/2021 của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc Bảo L).

Buộc ông Đinh Văn Tr phải có nghĩa vụ nộp số tiền 112.966.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) để giao cho bà Đinh Thị B, Đinh Thị L (L), Đinh Hồng Th, Đinh Thị D (V), Đinh Thị H (P), Đinh Thị U (U chị), Đinh Thị E (U Em); mỗi người được nhận số tiền là 16.138.000 đồng (Mười sáu triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đinh Thị B, Đinh Thị L, Đinh Hồng Th, Đinh Văn H, bà Đinh Thị T, được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (do bà Đinh Thị B, Đinh Thị L, Đinh Hồng Th, Đinh Văn H1 là người cao tuổi, bà Đinh Thị T đang thờ chồng là liệt sỹ, người cao tuổi).

+ Đinh Thị D (V), phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 37.629.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.560.000 đồng (Đinh Thị L nộp thay) theo biên lai số 0005469, ngày 20/6/2018; số tiền 4.944.000 đồng (Đinh Thị E nộp thay) theo biên lai số 0006648, ngày

13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Đinh Thị Dân (Vân) còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.125.000 đồng.

+ Đinh Thị H (P), phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.336.400 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.560.000 đồng (Đinh Thị L nộp thay) theo biên lai số 0005467, ngày 20/6/2018; số tiền 9.889.000 đồng theo biên lai số 0006645, ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Đinh Thị H (P) được nhận lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.112.600 đồng.

+ Đinh Thị U (U chị), phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.039.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.560.000 đồng (Đinh Thị L nộp thay) theo biên lai số 0005468, ngày 20/6/2018; số tiền 4.944.000 đồng (Đinh Thị E nộp thay) theo biên lai số 0006647, ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Đinh Thị U (U chị) còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.535.000 đồng.

+ Đinh Thị E (U Em) phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 31.056.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.560.000 đồng (Đinh Thị L nộp thay) theo biên lai số 0005470, ngày 20/6/2018; số tiền 4.944.000 đồng theo biên lai số 0006646, ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Đinh Thị E (U Em) còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.552.000 đồng.

+ Ông Lê Văn Kh không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.000.000 đồng theo biên lai số 0011503, ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

7. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Đinh Thị B, bà Đinh Thị L (L), bà Đinh Hồng Th, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị D (V), bà Đinh Thị H (P), bà Đinh Thị U (U chị), bà Đinh Thị E (U Em) ông Đinh Văn H1 phải chịu chung chi phí đo đạc và thẩm định tại chỗ với số tiền là 46.400.000 đồng, nhưng do bà Đinh Thị H (P) đã nộp tạm ứng và đã thanh lý xong, nên bà Đinh Thị B, bà Đinh Thị L (L), bà Đinh Hồng Th, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị D (V), bà Đinh Thị U (U chị), bà Đinh Thị E (U Em), ông Đinh Văn H1, bà Đinh Thị T; có nghĩa vụ nộp lại mỗi người với số tiền là 5.156.000 đồng để trả lại cho bà Đinh Thị H (P).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 4 năm 2021, ông Đinh Văn H và

ông Đinh Văn Tr kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Đinh Văn Tr kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông Tr cụ thể như sau:

+ Ông Tr không đồng ý nộp lại 112.966.000đ, vì mẹ ông Tr đã nhận 72.000.000đ, bà Đinh Thị L nhận 18.000.000đ, ông Tr nhận 90.000.000đ đã sửa chữa mồ mả cho củ H2 và cụ C hết.

+ Tòa án tạm giao cho ông 29.220,2m^2 đất thì ông Tr đồng ý nhưng yêu cầu Tòa án chia thêm cho ông được hưởng thừa kế năm phần nữa vì ông Tr thờ cúng, đám giỗ, nhan khói cho năm người mỗi năm.

+ Ông Tr không đồng ý đồng sở hữu chung đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu mồ mã và nhà thờ diện tích 2.349,2m^2 vì ông đã ở chung với cha mẹ từ nhỏ đến lớn khi cha mẹ chết ông thờ cúng cho đến nay.

+ Ông Tr không đồng ý phần 3.871,3m^2 của cha ông chia cho mẹ ông vì mẹ ông đã chết năm 2015.

+ Ông yêu cầu chia cho ông một phần đất thổ cư và cây lâu năm để ông cất nhà ở.

- Ông Đinh Văn H1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông H1 như sau:

+ Ông H1 yêu cầu chia phần thừa kế theo di chúc của cha ông thì ông được hưởng 30.000.000m^2.

+ Ông không đồng ý tiếp tục thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Lê Văn Kh vì ông chỉ cho cố đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật, những người vắng mặt tại phiên tòa là chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đinh Văn Tr và ông Đinh Văn H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cụ H2 và cụ C chung sống với nhau có 11 người con gồm: Đinh Thị B (còn sống), Đinh Thị L (L, còn sống), Đinh Văn H1 (còn sống), Đinh Hồng Th, (còn sống), Đinh Thị T (còn sống), Đinh Thị D (V, còn sống), Đinh Văn Tr (còn sống), Đinh Thị H (Phướng, còn sống), Đinh Thị U (U chị, còn sống), Đinh Thị E (U Em, còn sống); riêng Đinh Văn TH0 (đã chết, là liệt sỹ, không vợ con).

Cụ Đinh Văn H2 (chết năm 2008) và cụ Lê Thị C (chết năm 2015), là cha, mẹ của nguyên bị đơn, để lại diện tích đất là 120 công. Năm 1992, cụ Đinh Văn H2 được cấp giấy CNQSD đất diện tích 104.674m^2 (đo đạc thực tế 130.101,2m^2).

Cụ C chết không để lại di chúc, cụ H2 chết có để lại di chúc.

Theo di chúc ngày 20/2/2006, thì cụ H2 để lại diện tích đất cho các con như sau:

+ Ông H1 được hưởng diện tích: 30.000m^2.

+ Bà T được hưởng diện tích 10.000m^2 đất ruộng và 300m^2 đất ở.

+ Bà L, bà B, bà V, bà U Chị, bà U Em mỗi người được hưởng diện tích 7.000m^2 đất ruộng.

+ Ông Đinh Văn Tr thừa hưởng diện tích 45.000m^2 để thờ cúng và giỗ ông bà.

Di chúc cụ H2 không để lại đất cho con là bà Th và bà H.

[2] Khi còn sống ngày 18/9/2009, cụ C có ký hợp đồng với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) chi nhánh tỉnh Đồng Tháp, cho đặt Trạm viễn thông quân sự và các thiết bị viễn thông trên đất của cụ C với giá là 18.000.000 đồng/năm, thời gian là 10 năm, đến năm 2019 là hết hạn, nhưng cụ C chỉ nhận được tiền cho thuê năm 2012 là 18.000.000đ (do bà Đinh Thị L nhận). Còn lại 09 năm, thì ông Đinh Văn Tr nhận với số tiền là 161.380.000 đồng. Các nguyên đơn thống nhất để lại diện tích đất 2.349,2m^2, sử dụng chung làm phần đất khu mồ mã và nhà thờ.

[3] Phần đất còn lại diện tích 127.752m^2 và số tiền cho 161.138.000 đồng, các nguyên đơn yêu cầu yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho mỗi người con của cụ H2 và cụ C được hưởng diện tích đất 10.467,4m^2 và số tiền 16.138.000 đồng.

Ông H1, ông Tr, bà T không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn, ông H, ông Tr, bà T yêu cầu chia thừa kế theo di chúc.

[4] Xét thấy, di sản của cụ H2 và cụ C chết để lại diện tích đất 130.101,2m^2. Các nguyên đơn thống nhất để lại diện tích 2.349,2m^2 khu mồ mã và căn nhà thuộc quyền sử dụng đất chung, nên di sản của cụ H2 và cụ C còn lại là phần đất có diện tích 127.752m^2 (trong đó có diện tích 1.762,8m^2 đất ở nông thôn), thì mỗi người

được hưởng 50% diện tích 63.876m^2(trong đó có diện tích 881,4m^2 đất ở nông thôn). Do cụ H2 chết có để lại di chúc, nên phần di sản của cụ H2 được chia thừa kế theo di chúc tương ứng với tỷ lệ mỗi người được hưởng theo di chúc. Cụ C chết không để lại di chúc, nên phần di sản của cụ C được chia thừa kế theo pháp luật cho các người con của cụ H2 và cụ C.

[5] Theo đó phần di sản của cụ H2 diện tích 63.876m^2 (trong đó có 881,4m^2 đất thổ cư) được chia thừa kế theo di chúc ngày 20/02/2006, thì mỗi người được hưởng tương ứng với tỷ lệ % như sau:

- Bà B được hưởng theo di chúc 3.674,47m^2 đất lúa + 51,41m^2 đất thổ cư.
- Bà T được hưởng theo di chúc 5.249,34m^2 đất lúa + 73.44m^2 đất thổ cư.
- Ông H1 được hưởng theo di chúc 15.748,65m^2 đất lúa + 220,35m^2 đất thổ cư.
- Bà L được hưởng theo di chúc 3.674,47m^2 đất lúa + 51,41m^2 đất thổ cư.
- Bà D được hưởng theo di chúc 3.674,47m^2 đất lúa + 51,41m^2 đất thổ cư.
- Bà U Chị được hưởng theo di chúc 6 3.674,47m^2 đất lúa + 51,41m^2 đất thổ cư.
- Bà U Em được hưởng theo di chúc 3.674,47m^2 đất lúa + 51,41m^2 đất thổ cư.
- Ông Tr được hưởng theo di chúc 23.622,97m^2 đất lúa + 330,52m^2 đất thổ cư.

[6] Phần di sản của cụ C diện tích 63.876m^2 (trong đó có 881,4m^2 đất thổ cư) được chia thừa kế được chia thừa kế theo pháp luật cho 10 người con gồm: Bà B, bà T, ông H1, bà L, bà V, bà U Chị, bà U Em, bà H, bà Th và ông Tr mỗi người được hưởng diện tích 6.299,46m^2 đất lúa và diện tích 88,14m^2 đất thổ cư.

[7] Theo biên bản thỏa thuận giá ngày 14/01/2021, thì phần đất thổ cư giá 300.000 đ/m^2, đất lúa giá 55.000 đ/m^2.

Phần di sản của cụ H2 và cụ C mỗi người được hưởng thừa kế tương ứng với giá trị như sau:

- Bà B được hưởng 548.566.150 đ + 41.865.000 đ = 590.431.150 đ.
- Bà T được hưởng 635.184.000 đ + 48.474.000 đ = 683.658.000 đ.
- Ông H1 được hưởng 1.212.646.050đ + 92.547.000 đ =1.305.193.050 đ.
- Bà L được hưởng 548.566.150 đ + 41.865.000 đ = 590.431.150 đ.
- Bà D được hưởng 548.566.150 đ + 41.865.000 đ = 590.431.150 đ.
- Bà U Chị được hưởng 548.566.150đ + 41.865.000 đ = 590.431.150 đ.
- Bà U Em được hưởng 548.566.150 đ + 41.865.000 đ = 590.431.150 đ.
- Bà H được hưởng 346.470.300 đ + 26.442.000 đ = 372.912.300 đ.
- Bà Th được hưởng 346.470.300 đ + 26.442.000 đ = 372.912.300 đ.
- Ông Tr được hưởng 1.645.733.650 đ +125.598.000 đ= 1.771.331.650 đ.

[8] Về số tiền Công ty Viễn thông trả tiền thuê đất 161.380.000 đồng, do ông Tr nhận, là tài sản chung của cụ H2 và cụ C, nên được chia đều cho những người thừa kế của cụ H2 và cụ C, mỗi người được hưởng 16.138.000 đồng.

[9] Theo án sơ thẩm mỗi người được hưởng thừa kế tương ứng giá trị như sau:

- Bà B được hưởng 10.266,2m^2 (trong đó có 167m^2 thổ)= 605.556.000 đ.
- Bà T được hưởng 11.912,5m^2 (trong đó có 168,3m^2 thổ)= 696.421.000 đ.
- Ông H1 được hưởng 11.739,1m^2 =1.195.661.500 đ.
- Bà L được hưởng 10.260,9m^2 (trong đó có 165,3m^2 thổ)= 604.848.000 đ.
- Bà D được hưởng 10.265,8m^2 (trong đó có 700,7m^2 thổ)= 736.290.500 đ.
- Bà U Chị được hưởng 10.266,1m^2 = 564.635.500 đ.
- Bà U Em được hưởng 10.266,4m^2(trong đó có 164,7m^2 thổ)= 605.003.500 đ.
- Bà H được hưởng 6.774m^2 = 372.570.000 đ.
- Bà Th được hưởng 6.773,8m^2 (trong đó có 396,8m^2 thổ)= 469.775.000 đ .
- Ông Tr 29.220,2m^2=1.607.111.000 đ.

Ông Tr, ông H1 không đồng ý kháng cáo.

[10] Xét kháng cáo của ông Tr không đồng ý chia 2/3 suất thừa kế theo pháp luật có diện tích 3.871,3m^2, phần di sản của cụ H2 cho cụ C (Điều 644 Bộ luật dân sự 2015). Xét thấy, về phía cụ C được hưởng 50% tài sản chung của cụ H2 và cụ C. Đồng thời, tại thời điểm xét xử sơ thẩm cụ C đã chết, nên án sơ thẩm xử cho cụ C được hưởng 2/3 suất thừa kế theo pháp luật có diện tích đối với, phần di sản của cụ H2 là không phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận phần kháng cáo của ông Tr đối với diện tích 3.871,3m^2.

[11] Xét kháng cáo của ông Tr không đồng ý đồng sử dụng chung đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu mộ và nhà thờ diện tích 2.349,2m^2. Xét thấy, phần đất 2349,2m^2 trên đất có căn nhà thờ của cụ H2 chết và khu mộ. Theo các nguyên đơn thì ông Tr hiện nay không ở tại căn nhà thờ, khóa cửa căn nhà thờ không cho ai vào căn nhà thờ, không ai lo thắp nhan khói, dọn dẹp chăm sóc căn nhà cũng khu mộ, nên các nguyên đơn thống nhất để lại phần diện tích đất 2.349,2m^2 thuộc quyền sử dụng chung, trong đó có cả ông Tr, ông H1 và bà T được quyền sử dụng chung, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận phần kháng cáo của ông Tr đối với diện tích đất khu mộ và căn nhà thờ diện tích 2.349,2m^2.

[12] Đối với kháng cáo của ông Tr không đồng ý nộp lại 112.966.000 đồng. Ông Tr cho rằng số tiền Công ty Viễn thông Quân đội trả tiền thuê, thì cụ C nhận 72.000.000 đồng, bà Đinh Thị L nhận 18.000.000 đồng và ông Tr có nhận 90.000.000 đồng, nhưng ông Tr đã xây dựng, sửa chữa mộ mả cho của cụ H2 và cụ

C không còn. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/3/2021, ông Tr thừa nhận là có nhận số tiền 161.387.000 đồng của Công ty Viễn Thông Quân đội trả tiền thuê đất, nhưng ông Tr cho rằng đã xây dựng mộ mả cho cụ H2 và cụ C. Các nguyên đơn không thừa nhận mà cho rằng các nguyên đơn cùng nhau xây dựng mộ mả của cho cụ H2 và cụ C. Ông Tr không có chứng cứ chứng minh số tiền nhận của Công ty Viễn thông Quân đội, ông Tr dùng vào việc xây dựng mộ mả cụ H2 và cụ C. Vì thế, ông Tr có trách nhiệm nộp lại số tiền 112.966.000 đồng, để chia thừa kế cho bà B, bà L, bà D, bà Th, bà H, bà U Chị, bà U Em mỗi người được hưởng 16.138.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận phần kháng cáo của ông Tr đối với số tiền 112.966.000 đồng.

[13] Xét kháng cáo của ông Tr yêu cầu được chia phần đất thổ cư và cây lâu năm để ông Tr xây dựng nhà ở. Xét thấy, ông Tr hiện có nhà đất ở tại thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười. Phần đất và căn nhà thờ diện tích 2.349,2m^2, ông Tr không có sử dụng (bỏ hoang). Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm ông Tr thừa nhận từ năm 1996-1997, (khi cụ H2 và cụ C còn sống) thì ông Tr về thị trấn Mỹ An sinh sống cho đến nay, không có sinh sống trên phần đất tranh chấp. Như vậy, ông Tr không có nhu cầu sử dụng đất ở, nên Hội đồng xét xử không chấp phần kháng cáo của ông Tr yêu cầu chia phần đất thổ cư, cây lâu năm. Tuy nhiên, phần di sản của cụ H2 và cụ C có diện tích đất thổ, nên người được hưởng thừa kế phần đất thổ cư sẽ đền bù chênh lệch thừa kế cho ông Tr, kể cả ông H1.

[14] Đối với việc án sơ thẩm tạm giao cho ông Tr diện tích 29.220,2m^2, ông Tr thống nhất nhận thừa kế, nhưng yêu cầu chia cho ông Tr thêm 05 kỷ phần thừa kế, để lo thờ cúng ông bà. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án tranh chấp thừa kế, ông Tr là bị đơn. Các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, các bị đơn yêu cầu chia thừa kế theo di chúc, đồng thời ông Tr cũng là người đang quản lý sử dụng diện tích đất 29.220.2m^2. Án sơ thẩm tạm giao cho ông Tr diện tích 29.220,2m^2 quản lý sử dụng khi nào ông Tr có yêu cầu được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì làm thủ tục hành chính. Như vậy, án sơ thẩm đã xem xét chia thừa kế cho ông Tr được hưởng diện tích đất 29.220,2m^2, nhưng cho rằng ông Tr không nộp tiền tạm ứng án phí, nên tạm giao phần đất mà ông Tr được hưởng thừa kế là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tr yêu cầu được quyền sử dụng diện tích đất mà ông được hưởng thừa kế, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho ông Tr được quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mà ông Tr được hưởng thừa kế. Đối với kháng cáo của ông Tr yêu cầu được hưởng 05 kỷ phần thừa kế để thờ cúng ông bà. Xét thấy, theo di chúc ngày 20/02/2006 của cụ H2

thì ông Tr được hưởng tương đương 37,5%, ông H1 dược hưởng 25%, bà T được hưởng 8,33%, bà B, bà L, bà D, bà U Chị, bà U Em mỗi người được hưởng tương đương 5,833% phần di sản của cụ H2. Do ông Tr là người thờ cúng ông bà, nên cụ H2 cho ông Tr hưởng tài sản nhiều hơn các đồng thừa kế khác, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận phần kháng cáo của ông Tr yêu cầu được chia thêm 05 kỷ phần thừa kế.

[15] Xét kháng cáo của ông H1, yêu cầu chia thừa kế theo di chúc. Xét thấy, phần đất có diện tích 130.101,2m^2 là tài sản chung của cụ H2 và cụ C, nhưng cụ H2 lập di chúc định đoạt toàn bộ tài sản là không đúng quy định của pháp luật, nên di chúc ngày 20/02/2006 chỉ có hiệu lực một phần tương ứng với 50% phần tài sản chung, phần 50% tài sản còn lại là của cụ C. Vì thế, ông H1 kháng cáo yêu cầu chia thừa kế theo di chúc là có căn cứ một phần, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông H1 yêu cầu chia thừa kế theo di chúc.

[16] Đối với kháng cáo của ông H1, không đồng tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng 10.000,2m^2 cho ông Kh và bà Đ. Xét thấy, ông H1 thừa nhận có ký tên vào giấy sang nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/3/2018, ngày 04/9/2018 và có nhận số tiền 500.000.000 đồng của ông Kh, bà Đ. Ông H1 cho rằng số tiền 500.000.000 đồng là tiền cố đất, ông Kh không thừa nhận, nhưng ông H1 không có chứng cứ chứng minh số tiền 500.000.000 đồng là tiền cố đất. Mặc dù, tại thời điểm thỏa thuận chuyển nhượng đất, ông H1 chưa đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông H1 là người đang quản lý, sử dụng phần đất chuyển nhượng mà theo ông H1 đây là phần đất ông H1 được hưởng theo di chúc. Về phía ông H1 được hưởng thừa kế theo di chúc và theo pháp luật, tổng cộng 22.048,11m^2 đất lúa, nên ông H1 phải có trách nhiệm chuyển nhượng cho ông Kh với bà Đ 10.000,2m^2. Vì thế, Hội đồng xét xử không chấp nhận phần kháng cáo của ông H1 không đồng ý tiếp tục chuyển nhượng cho ông Kh và bà Đ diện tích 10.000,2m^2.

[17] Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Tr và ông H1.

[`18] Phần di sản của cụ H2 và cụ C, án sơ thẩm chia thừa cho những người thừa kế của cụ H2 và cụ C có xem xét quá trình sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất. Các đương sự được chia thừa kế đều thống nhất vị trí, diện tích phần đất được nhận thừa kế không có kháng cáo, chỉ có ông Tr kháng cáo yêu cầu được chia phần đất thổ cư và chia thêm 05 kỷ phần để thờ cúng ông bà, cũng như phân tích trên yêu cầu của ông Tr là không phù hợp, nên cần giữ nguyên vị trí,

diện tích phần đất mà mỗi người được chia theo bản án sơ, người được hưởng thừa kế tài sản nhiều hơn kỷ phần sẽ đền bù chênh lệch tài sản.

[19] Theo đó giá trị tài sản chênh lệch giữa bản án sơ thẩm so với giá trị tài sản thực tế mỗi người được hưởng.

- Bà B 605.556.000 đ - 590.431.150 đ = 15.124.850 đ (thừa).
- Bà T 696.421.000 đ - 683.658.000 đ = 12.763.000 đ (thừa).
- Ông H1 1.195.661.500 đ - 1.305.193.050 đ = -109.340.550 đ (thiếu).
- Bà L 604.848.000 đ - 590.431.150 đ = 14.416.850 đ (thừa).
- Bà D 736.290.500 đ - 590.431.150 đ= 145.859.350 đ (thừa).
- Bà U Chị 564.635.500đ - 590.431.150đ= - 25.795.650 đ (thiếu).
- Bà U Em 605.003.500 đ - 590.431.150 đ= 14.572.350 đ (thừa).
- Bà H 372.570.000 đ - 372.912.300 đ= - 342.300 đ (thiếu).
- Bà Th 469.775.000 đ - 372.912.300 đ= 96.862.700 đ (thừa).
- Ông Tr 1.607.111.000 đ - 1.771.333.800 đ= -164.120.650 đ (thiếu).

[20] Số tiền cho Công ty Viễn thông thuê ông Tr nhận, mỗi người được hưởng: 161.387.671 đ : 10 = 16.138.767 đồng (tính tròn 16.138.000 đ).

[21] Sau khi cấn trừ thì mỗi người được hưởng như sau:

- Bà B được nhận chênh lệch tài sản 16.138.000 đ - 15.124.850 đ= 1.013.150 đ.
- Bà T đền bù chênh lệch tài sản 12.763.000 đ.
- Ông H1 được nhận chênh lệch tài sản 109.340.550 đ .
- Bà L được nhận chênh lệch tài sản 16.138.000 đ - 14.416.850 đ= 1.721.150 đ.
- Bà D đền bù chênh lệch tài sản 145.859.350 đ - 16.138.000 đ= 129.721.350 đ.
- Bà U Chị được nhận chênh lệch tài sản 25.795.650 đ + 16.138.000 đ= 41.933.650 đ.
- Bà U Em được nhận chênh lệch tài sản 16.138.000 đ - 12.572.350 đ= 3.565.650 đ.
- Bà H được nhận chênh lệch tài sản 16.138.000 đ + 342.300 đ= 16.480.300 đ .
- Bà Th đền bù chênh lệch tài sản 96.862.700 đ – 16.138.000 đ= 80.724.700 đ.
- Ông Tr được nhận chênh lệch tài sản 164.120.650 đ-112.966.000 đ= 51.154.650 đ.

[22] Như vậy, bà T nộp tiền đền bù chênh lệch tài sản: 12.763.000 đồng; bà D nộp tiền đền bù chênh lệch tài sản: 129.721.000 đồng; bà Th nộp tiền đền bù chênh lệch tài sản: 80.724.000 đồng; Bà B được nhận chênh lệch tài sản: 1.013.000 đồng, ông H1 được nhận chênh lệch tài sản: 109.340.000 đồng; bà L được nhận tiền chênh lệch tài sản: 1.721.000 đồng; bà U Chị được nhận chênh lệch tài sản: 41.933.000 đồng; Bà U Em được nhận chênh lệch tài sản: 3.565.000 đồng; Ông Tr nhận chênh lệch tài sản 51.154.000 đồng (tất cả số tiền trên lấy tròn số).

[23] Về án phí bà Đinh Thị T, ông Đinh Văn H1, bà Đinh Thị B, bà Đinh Hồng Th là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ vào khoản 1, Điều 12; khoản 7, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn tiền án phí cho bà B, bà T, ông H1, bà Th.

[24] Xét đề nghị của Viện kiểm sát Tỉnh là chấp nhận một phần kháng cáo của ông H1 và ông Tr, sửa bản án sơ thẩm là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông H1 và ông Tr, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm nên ông H1 và ông Tr không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 148; khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 624, 463, 649, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đinh Văn Tr và ông Đinh Văn H1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Tháp Mười.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của bà Đinh Thị B, Đinh Thị L (L), Đinh Hồng Th, Đinh Thị D (V), Đinh Thị H (P), Đinh Thị U (U chị), Đinh Thị E.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế số tiền 161.387.671 đồng (ông Đinh Văn Tr đang quản lý) của bà Đinh Thị B, Đinh Thị L (L), Đinh Hồng Th, Đinh Thị D (V), Đinh Thị H (P), Đinh Thị U (U chị), Đinh Thị E.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của ông Đinh Văn H1. Ông Đinh Văn Tr và bà Đinh Thị T.

4. Chấp nhận yêu cầu cùng đứng tên đồng sở hữu chung diện tích đất 2.349,2m^2 (phần đất khu mồ mã và nhà thờ) của bà Đinh Thị B, Đinh Thị L (L), Đinh Hồng Th, Đinh Thị D (V), Đinh Thị H (P), Đinh Thị U (U chị), Đinh Thị E.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Kh (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập) về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đinh Văn H1.

6. Phần di sản mỗi người được hưởng thừa kế có diện tích trong phạm vi các mốc:

6.1 Bà Đinh Thị B được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 10.266,2m^2. Trong phạm vi các mốc: M15-M8-M7-M16-M15 (thuộc một phần thửa 343 và một phần thửa 342). Mốc R5-R4-R3-R6-R5 (thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

6.2 Bà Đinh Thị T được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 11.912,5m^2. Trong phạm vi các mốc: M14-M9-M8-M15-M14 (thuộc một phần thửa 343 và một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc R1-MA-MC-R2-R1 (thuộc một phần thửa 326, một phần thửa 902). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

6.3 Ông Đinh Văn H1 được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 11.739,1m^2. Trong phạm vi các mốc: Mốc S1-S2-S3-S4-S1 (thuộc một phần thửa 328). Phạm vi các mốc: Mốc ML-M5-S5-S6-ML. (thuộc một phần thửa 327, một phần thửa 863). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

6.4 Bà Đinh Thị L (Lùng) được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 10.260,9m^2. Trong phạm vi các mốc: Mốc M16-M7-M6-M17-M16 (thuộc một phần thửa 343 và một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc MI-R12-R11-MG-MI (thuộc một phần thửa 342 và một phần thửa 902). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

6.5 Bà Đinh Thị D (V) được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 10.265,8m^2. Trong phạm vi các mốc: M18-M5-M3-M19-M18 (thuộc một phần thửa 343 và một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc MI-M3-F5-F6-F3-F4-MI (thuộc một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc R11-R10-R9-R12-R11 (thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

6.6 Bà Đinh Thị U (U chị) được hưởng di sản thừa kế diện tích 10.266,1m^2; trong phạm vi các mốc: Mốc F1-M22-MB-MA-MH-F1(thuộc một phần thửa

342). Phạm vi các mốc: Mốc R4-R1-R2-R3-R4 (thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

6.7 Bà Đinh Thị E được hưởng di sản thừa kế diện tích 10.266,4m^2. Trong phạm vi các mốc: Mốc M13-M10-M9-M14-M13 (thuộc một phần thửa 343 và một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc F8-F1-F2-F3-F6-F7-F8 (thuộc một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc R9-R8-R7-R10-R9 (thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

6.8 Bà Đinh Thị H (Phướng) được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 6.774m^2. Trong phạm vi các mốc: Mốc M12-ME-M10-M13-M12 (thuộc một phần thửa 902). Phạm vi các mốc: Mốc MB-F10-F1-F8-F9-MB (thuộc một phần thửa 342). Phạm vi các mốc: Mốc MA-M14-S4-S1-MA (thuộc một phần thửa 328). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

6.9 Bà Đinh Hồng Th được hưởng di sản thừa kế diện tích 6.773,8m^2; trong phạm vi các mốc: Mốc M17-M6-M5-M18-M17 (thuộc một phần thửa 343 và một phần thửa 342); Phạm vi các mốc: Mốc S2-S3-M4-MD-S2 (thuộc một phần thửa 328, một phần thửa 863). Phạm vi các mốc: Mốc R5-R8-R7-R6-R5 (thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

6.10 Ông Đinh Văn Tr được hưởng di sản thừa kế diện tích đất 29.220,2m^2 , trong phạm vi các mốc: Mốc MN-MP-M7-M6-S5-S6-S7-S8-M10-M9-MN (thuộc một phần thửa 327, một phần thửa 863); đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

6.11 Bà Đinh Thị B, bà Đinh Thị L, bà Đinh Hồng Th, bà Đinh Thị D, bà Đinh Thị H, bà Đinh Thị U, bà Đinh Thị E, ông Đinh Văn H1, bà Đinh Thị T, ông Đinh Văn Tr; được quyền sử dụng chung và được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất khu mồ mã và nhà thờ có diện tích 2.349,2m^2, thuộc một phần thửa 343, trong phạm vi các mốc: M19-MI-MH-M20-M19; đất tọa lạc ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

7. Buộc bà Đinh Thị L và Đinh Thị E giao diện tích đất cho bà Đinh Thị V trong phạm vi các mốc: Mốc R11-R10-R9-R12-R11(thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Buộc bà Đinh Thị L giao diện tích đất cho bà Đinh Thị E trong phạm vi các mốc: Mốc R9-R8-R7-R10-R9 (thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Buộc bà Đinh Thị L và Đinh Thị E giao diện tích đất cho bà

Đinh Hồng Th trong phạm vi các mốc: Mốc R5-R8-R7-R6-R5 (thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Buộc bà Đinh Thị L và Đinh Thị E, Đinh Thị U (U chị) giao diện tích đất cho bà Đinh Thị Bảnh trong phạm vi các mốc: Mốc R5-R4-R3-R6-R5 (thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Buộc bà Đinh Thị L và Đinh Thị E, Đinh Thị T giao diện tích đất cho bà Đinh Thị U (U chị) trong phạm vi các mốc: Mốc R4-R1-R2-R3-R4 (thuộc một phần thửa 342, một phần thửa 902). Buộc ông Đinh Văn H1, Đinh Văn L1 (người thuê đất) giao diện tích đất cho bà Đinh Thị H (P) trong phạm vi các mốc: Mốc MA-M14-S4-S1-MA (thuộc một phần thửa 328). Buộc ông Đinh Văn H1, Đinh Văn L1 (người thuê đất) giao diện tích đất cho bà bà Đinh Hồng Th trong phạm vi các mốc: Mốc S2-S3-M4-MD-S2 (thuộc một phần thửa 328, một phần thửa 863). Đất tại ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

8. Buộc ông Đinh Văn H1 phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Lê Văn Kh diện tích 10.000,2m^2, thuộc một phần thửa 327. Trong phạm vi các mốc: M13-M12-S8- S7-S6-ML-M13. Đất tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Văn Kh có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký để được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 10.000m^2 (10.000,2m^2), thuộc một phần thửa 327. Trong phạm vi các mốc: M13-M12-S8-S7-S6-ML-M13. Đất tại ấp 4, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, ngày 24/12/2020 của Tòa án, Sơ đồ đo đạc ngày 08/01/2021 và Phụ lục mãnh trích đo ngày 19/3/2021 của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc Bảo L).

9. Buộc bà T nộp tiền đền bù chênh lệch tài sản: 12.763.000 đồng; Buộc bà D nộp tiền đền bù chênh lệch tài sản: 129.721.000 đồng; Buộc bà Th nộp tiền đền bù chênh lệch tài sản: 80.724.000 đồng;

10. Bà B được nhận chênh lệch tài sản: 1.013.000 đồng, ông H1 được nhận chênh lệch tài sản: 109.340.000 đồng; bà L được nhận tiền chênh lệch tài sản: 1.721.000 đồng; bà U Chị được nhận chênh lệch tài sản: 41.933.000 đồng; Bà U E được nhận chênh lệch tài sản: 1.565.000 đồng; Bà H được nhận chênh lệch tài sản: 16.480.000 đồng; Ông Tr nhận chênh lệch tài sản: 51.154.000 đồng (tất cả số tiền trên lấy tròn số), từ số tiền bà T, bà D, bà Th nộp tiền đền bù chênh lệch tài sản.

11. Về án phí dân sự:

+ Bà Đinh Thị B, Đinh Thị L, Đinh Hồng Th, Đinh Văn H1, bà Đinh Thị T, được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (do bà Đinh Thị B, Đinh Thị L, Đinh Hồng Th, Đinh Văn H1 là người cao tuổi, bà Đinh Thị T đang thờ chồng là liệt sỹ, người cao tuổi).

+ Đinh Thị D (V), phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 27.617.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.560.000 đồng (Đinh Thị L nộp thay) theo biên lai số 0005469, ngày 20/6/2018; số tiền 4.944.000 đồng (Đinh Thị E nộp thay) theo biên lai số 0006648, ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Đinh Thị D (V) còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.113.000 đồng.

+ Đinh Thị H (P), phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.646.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.560.000 đồng (Đinh Thị L nộp thay) theo biên lai số 0005467, ngày 20/6/2018; số tiền 9.889.000 đồng theo biên lai số 0006645, ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Đinh Thị H (P) được nhận lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.803.000 đồng.

+ Đinh Thị U (U chị), phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.617.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.560.000 đồng (Đinh Thị L nộp thay) theo biên lai số 0005468, ngày 20/6/2018; số tiền 4.944.000 đồng (Đinh Thị E nộp thay) theo biên lai số 0006647, ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Đinh Thị U (U chị) còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.113.000 đồng.

+ Đinh Thị E (U E) phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.617.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.560.000 đồng (Đinh Thị L nộp thay) theo biên lai số 0005470, ngày 20/6/2018; số tiền 4.944.000 đồng theo biên lai số 0006646, ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Đinh Thị E còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.113.000 đồng.

+ Ông Lê Văn Kh không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Kh số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.000.000 đồng theo biên lai thu số 0011503, ngày 14/01/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

+ Ông Tr phải chịu 65.140.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Tr và ông H1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Tr 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0011700 ngày 20/4/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

12. Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ:

Tổng cộng số tiền là 46.400.000 đồng. Bà Đinh Thị B, bà Đinh Thị L , bà Đinh Hồng Th, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị D, bà Đinh Thị U, bà Đinh Thị E, ông Đinh Văn H, ông Đinh Văn Tr mỗi người phải chịu 4.640.000 đồng. Do bà Đinh Thị H đã nộp tạm ứng và đã thanh lý xong, nên bà B, bà L, bà Th, bà T, bà D, bà U chị, bà U E, ông H1, ông Tr mỗi người có nghĩa vụ nộp lại số tiền là 4.640.000 đồng để trả lại cho bà H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành hán của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án chưa thi hành án xong còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Phòng KTNV-THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tặng